

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ N  
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 494/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 22-12-2022

V/v: Ly hôn, nuôi con giữa chị N và anh Đ.

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ N, TỈNH NAM ĐỊNH

- **Thành phần Hội Đ xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lương Việt Bằng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Lê Quang Bảo

Bà Trịnh Thị Kim Cúc.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thu Thủy - Thư ký Toà án nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:** Ông Vũ Đức Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 394/2022/TLST- HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 123/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 06-12-2022 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Vũ Thị Hồng N, sinh năm 1982; Đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Số 17/150 đường H, phường V, thành phố N, tỉnh Nam Định.

- **Bị đơn:** Anh Phan Thành Đ, sinh năm 1976; Đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại: Số 17/150 đường H, phường V, thành phố N, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Chị N và anh Đ có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện, trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Vũ Thị Hồng N trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Phan Thành Đ có thời gian tự do tìm hiểu, kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND phường V, thành phố N năm 2003. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống bình thường tuy có mâu thuẫn nhưng không lớn nhưng đến năm 2018 thì mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau về tính cách, luôn bất đồng quan

điểm, liên tục cãi nhau. Do mâu thuẫn gay gắt, không có tiếng nói chung nên hai bên đã sống ly thân mỗi người một nơi từ tháng đầu năm 2022 đến nay. Xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn anh Phan Thành Đ.

- Về con chung: Chị Vũ Thị Hồng N xác nhận vợ chồng có ba con chung là Phan Minh Đ, sinh ngày 19-6-2004, Phan Anh T, sinh ngày 30-3-2009 và Phan Vũ Ngọc K, sinh ngày 31-12-2012. Hiện nay cháu Minh Đ đã trưởng thành nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết. Chị có nguyện vọng được nuôi cháu Anh T và cháu Ngọc K và không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và vay nợ chung của vợ chồng: Chị Vũ Thị Hồng N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Cháu Phan Anh T và Phan Vũ Ngọc K trình bày: Nếu bố mẹ ly hôn, các cháu đề nghị được ở với mẹ để ổn định cuộc sống.

Quá trình tố tụng, bị đơn là anh Phan Thành Đ đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng không có lời khai thể hiện quan điểm của mình.

Tại phiên tòa, anh Đ trình bày anh đã đề nghị chị N suy nghĩ lại để gia đình ổn định, con có cả bố mẹ nhưng do chị N nhất quyết đề nghị ly hôn nên anh cũng nhất trí ly hôn với chị N. Anh Đ nhất trí giao cháu Anh T và cháu Ngọc K cho chị N nuôi dưỡng. Anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản, công nợ chung của vợ chồng.

Tại biên bản thu thập tài liệu chứng cứ, chính quyền địa phương nơi chị N và anh Đ cư trú xác nhận: Quá trình chung sống vợ chồng chị N và anh Đ có xảy ra mâu thuẫn nhưng không biết được nguyên nhân mâu thuẫn cụ thể như thế nào chỉ biết hai bên đã sống ly thân mỗi người một nơi. Vợ chồng chị N và anh Đ có ba con chung là Phan Minh Đ, Phan Anh T và Phan Vũ Ngọc K. Nay chị N có đơn giải quyết ly hôn, nuôi con với anh Đ thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định căn cứ Điều 21, Điều 262 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nhận xét đánh giá: Trong quá trình tiến hành tố tụng và giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Các đương sự đã được Tòa án đảm bảo thực hiện các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 xử ly hôn giữa chị Vũ Thị Hồng N và anh Phan Thành Đ.

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình giao chị Vũ Thị Hồng N trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là Phan Anh T, sinh ngày 30-3-2009 và Phan Vũ Ngọc K, sinh ngày 31-12-2012. Chị N và anh Đ không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết.

Về tài sản và vay nợ chung của vợ chồng: Chị Vũ Thị Hồng N và anh Phan Thành Đ không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết.

Về án phí: Chị Vũ Thị Hồng N phải nộp theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Chị Vũ Thị Hồng N và anh Phan Thành Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường V, thành phố N năm 2003 nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống chị N và anh Đ phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hòa hợp về tính cách, bất đồng quan điểm trong cuộc sống nhưng chị N và anh Đ lại không tìm biện pháp hòa giải hàn gắn tình cảm mà lại chọn giải pháp sống ly thân mỗi người một nơi. Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù được Tòa án hòa giải nhưng chị N vẫn kiên quyết xin ly hôn, anh Đ cũng nhất trí ly hôn với chị N. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn giữa chị N với anh Đ đã trầm trọng, không có khả năng hàn gắn đoàn tụ gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ xử lý hôn giữa chị N và anh Đ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về con chung: Cháu Phan Minh Đ đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không giải quyết. Chị Vũ Thị Hồng N có điều kiện nuôi dưỡng hai con chung là Phan Anh T, sinh ngày 30-3-2009 và Phan Vũ Ngọc K, sinh ngày 31-12-2012, anh Đ nhất trí với đề nghị của chị N. Hội đồng xét xử thấy, cháu Phan Anh T và Phan Vũ Ngọc K giới tính là nữ và có lời khai đề nghị được ở với mẹ nên để đảm bảo lợi ích của con chung cần giao cho chị N nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp và đúng với quy định tại các Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Ghi nhận sự tự nguyện của chị N không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Về tài sản, công nợ chung của vợ chồng: Chị Vũ Thị Hồng N và anh Phan Thành Đ không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Vũ Thị Hồng N là nguyên đơn nên phải nộp toàn bộ án phí theo quy định của khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 27 Nghị quyết số 36/2016/UBTVQH14 ngày 30-6-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Vũ Thị Hồng N và anh Phan Thành Đ.

2. Về con chung: Giao cho chị Vũ Thị Hồng N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Phan Anh T, sinh ngày 30-3-2009 và Phan Vũ Ngọc K, sinh ngày 31-12-2012. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Vũ Thị Hồng N không yêu cầu anh Phan Thành Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Vũ Thị Hồng N và anh Phan Thành Đ có quyền và nghĩa vụ đối với con chưa thành niên theo quy định của pháp luật. Không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con thực hiện quyền, nghĩa vụ thăm nom con. Người không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của người trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Vũ Thị Hồng N phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí chị Vũ Thị Hồng N đã nộp theo biên lai số 0005574 ngày 18-10-2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố N, tỉnh Nam Định.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Vũ Thị Hồng N và anh Phan Thành Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

*Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./*

**TM. HỘI Đ XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND tp. N;
- Chi cục THADS tp. N;
- UBND phường V, tp. N (số 53/2003);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**Lương Việt Bằng**